Tên: ……...

Lớp: S3…

Ngày giao bài: Thứ …, ngày …./….

Ngày nộp bài: Thứ …, ngày …./….

Ngữ pháp HW: ……

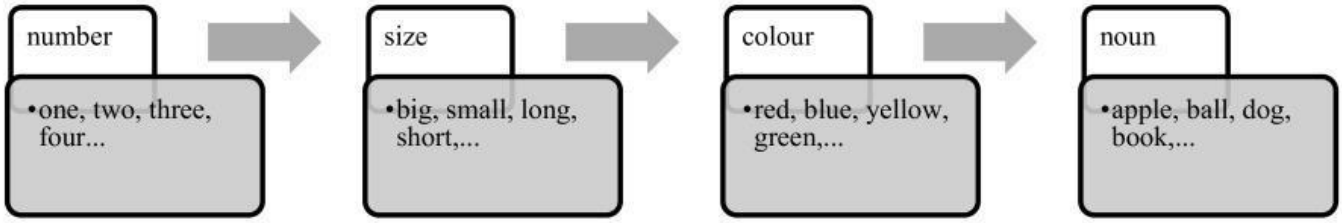
Đọc & Viết HW: ……

GE3 - Unit 7: Puzzles and codes - Grammar 2 & Flyers Reading and Writing

A. THEORY

I. GRAMMAR: Adjective order *(Thứ tự tính từ)*

- Cách dùng: Khi có **nhiều tính từ** đứng **trước danh từ**, ta cần **xếp đúng thứ tự**.



Ví dụ: two big red apples



three small blue balls



one big yellow dog



II. FLYERS READING & WRITING

1. Extra vocabulary

❖ **CLASSWORK**

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	**airport** (n)	sân bay	3	**restaurant** (n)	nhà hàng
2	**island** (n)	hòn đảo			

❖ **HOMEWORK**

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	**forest** (n)	rừng	3	**far away** (adv)	xa, ở xa
2	**address** (n)	địa chỉ	4	**hide** (v) → **hid** (v2)	trốn, giấu → đã trốn, giấu

**Note: n = noun: danh từ; v2 = past simple of irregular verb: quá khứ đơn của động từ bất quy tắc;*
v = verb: động từ; adv = adverb: trạng từ.
Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 DÒNG vào vở ghi (áp dụng cho phần Extra vocabulary).*

2. Method: Answer prediction

Bước 1. Đọc câu hỏi kỹ → gạch chân từ khóa (day, place, time, thing…).
Bước 2. Đoán chủ đề cần điền → là người, địa điểm, thời gian, đồ vật hay hành động.
Bước 3. Đọc cẩn thận → tìm chi tiết trùng với từ khóa, chú ý cách nói đồng nghĩa.
Bước 4. Kiểm tra lại → điền xong đọc cả câu, xem có hợp ngữ cảnh & ngữ pháp không.
Ví dụ:
Bước 1: Đọc kỹ câu hỏi
Câu: *"Today (0) …… the first day of our holiday."* → Cấu trúc: Today + … + the first day…
→ Cần **động từ to be**.

LIVEWORKSHEETS

Bước 2: Đoán chủ đề
Đoán: Câu nói về một ngày trong **quá khứ** ("the first day" = **ngày đầu của kỳ nghỉ**).
Bước 3: Đọc cẩn thận
Nội dung kể lại chuyến đi đã diễn ra.
→ Chủ ngữ *Today* → động từ phù hợp là **was**.
Bước 4: Kiểm tra lại
Điền: *"**Today was the first day of our holiday**."*
Đọc lại câu: Ngữ pháp đúng, ý nghĩa rõ, phù hợp với câu hỏi → hợp lý ✅

B. CLASSWORK

I. Pre-reading: Circle the correct answers. *(Khoanh tròn đáp án đúng.)*

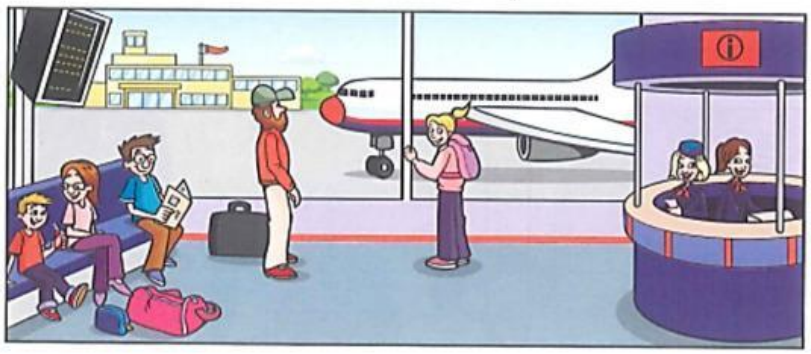
0. We arrived ..... the station very early.

(A.) at B. in C. on

1. We waited for about half an ..... before getting on the bus.
   A. hours B. hour C. time
2. Dad had ..... sit next to my sister.
   A. on B. at C. to
3. When we got home, ... was five o'clock in the afternoon.
   A. it B. there C. this
4. We sat next ..... the window and watched the cars.
   A. in B. to C. at

II. Read the diary and write the missing words. Write ONE WORD on each blank.
(Đọc đoạn nhật ký và viết các từ còn thiếu. Mỗi dòng chỉ viết MỘT TỪ.)

FLYERS PART 6 – 5 questions



Today **(0)** <u>was</u> the first day of our holiday.

We arrived **(1)** ..... the airport late because we drove there and the roads were very busy. After we showed our tickets, we waited for about half an **(2)** ..... and then we got on the plane. I sat next to the window so I could watch everything and Mum sat next to me. Dad had **(3)** ..... sit behind us.

When we got to the island **(4)** ..... was four o'clock in the afternoon. Later we went to an expensive restaurant for dinner. I **(5)** ..... fish then chocolate ice cream!

LIVEWORKSHEETS

C. HOMEWORK

GRAMMAR (21 questions)

I. Write the given words in the correct column. *(Viết các từ đã cho vào đúng cột.)*

~~one~~	three	blue	big	white	two
small	red	little	black	large	four

Number	Size	Colour
0. one	4.	8. .....
1.	5.	9. .....
2.	6.	10. .....
3.	7.	11. .....

II. Circle the correct answers following adjective orders. *(Khoanh đáp án đúng về thứ tự tính từ.)*

0. I bought ..... hats.

A. two big red *B. big two red* *C. red big two*

1. I saw ..... birds in the tree.

A. three small yellow B. yellow three small C. small three yellow

2. They have ..... cars in their garage.

A. three black big B. big three black C. three big black

3. He painted ..... chairs for the party.

A. four large green B. green four large C. large four green

4. The zoo has ..... elephants.

A. grey five big B. big five grey C. five big grey

5. She bought ..... balloons for her birthday.

A. six small pink B. pink six small C. small six pink

III. Write the following sentences using the words in brackets in the correct order.
(Viết các câu sau, sử dụng các từ trong ngoặc theo đúng thứ tự.)

*0. I have **(red-two-small)** apples.*

→ I have two small red apples.

1. She sees **(big-three-blue)** balls in the box.

→ She sees ..... balls in the box.

2. There is **(black-one-big)** dog in the garden.

→ There is ..... dog in the garden.

LIVEWORKSHEETS

3. He buys **(yellow-four-small)** bananas at the shop.

→ He buys ..... bananas at the shop.

4. We play with **(red-two-big)** kites after school.

→ We play with ..... kites after school.

5. I like **(green-three-big)** trees near my house.

→ I like ..... trees near my house.

CAMBRIDGE READING PRACTICE (5 questions)

FLYERS PART 6

Read the letter and write the missing words. Write one word on each line.



Dear Mr White

Last Sunday I **(0)** <u>was</u> walking in the forest with my dog. She found a box in the ground.

I opened the box. I saw a letter inside, so I got the letter out and **(1)** ..... it.

When I looked **(2)** ..... the address, I couldn't believe your home is far away.

You hid the box in the forest 30 years **(3)** .....

I am very happy. I have a new friend. He lives **(4)** ..... another city.

Please write and **(5)** ..... me about your family.

Ben Hill

LIVEWORKSHEETS